

Bản án số: 65 /2019/KDTM-PT
Ngày 14 tháng 10 năm 2019
“V/v: Tranh chấp giữa thành viên
Công ty với Công ty”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 25/2019/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp giữa các thành viên công ty với công ty”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 353/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2148/2019/QĐXX-PT ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Tuyết V (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà V: Ông Huỳnh Phi H và bà Đặng Thị Kim Ng (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có luật sư: Trần Quang Th – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của Công ty: Ông Nguyễn Văn Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 31/01/2018)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Đặng Thị O (có mặt)

2/ Bà Đoàn Thị H (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường T2, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H: ông Nguyễn Văn Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018 tại phòng Công chứng T) (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Trần Thị Kiều O1 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường 13, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Võ Thị Mỹ D (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

5/ Bà Lê Thị Kh (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Nguyễn Hùng Khánh Tr (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Nguyễn Hùng L (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà Nguyễn Hùng Khánh V1 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Ông Nguyễn Việt Ch (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng1, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D, Nguyễn Hùng Khánh Tr, ông Nguyễn Hùng L, bà Nguyễn Hùng Khánh V1 và ông Nguyễn Việt Ch: Ông Huỳnh Phi H và bà Đặng Thị Kim Ng (có mặt)

10. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: đường B1, phường 2, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30 tháng 7 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Trần Quang Th trình bày:

Công ty TNHH Sản Xuất Hàng Mỹ Nghệ H (Viết tắt là Công ty H) do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 03/12/2001, trụ sở chính tại ấp T, xã T1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng ông Nguyễn Việt H và bà Lê Thị Kh làm chủ sở hữu với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

Đến năm 2008 bà Đặng Thị O thỏa thuận với bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 cùng góp vốn vào công ty H với tư cách là thành viên công ty để mua khu đất có nhà xưởng của Công ty H. Cụ thể bà Tôn Nữ Tuyết V góp 7.000.000.000 đồng (*Tương đương 20% tỷ lệ vốn góp của công ty*), bà Trần Thị Kiều O1 góp vốn 5.250.000.000 đồng (*Tương đương 15% tỷ lệ vốn góp*), bà Võ Thị Mỹ D góp vốn: 5.250.000.000 đồng (*Tương đương 15% tỷ lệ vốn góp*), và ông Nguyễn Việt H góp vốn 3.500.000.000 đồng (*Tương đương 10% tỷ lệ vốn góp*).

Các thành viên góp vốn đã góp đủ số vốn nêu trên và thống nhất để bà Đặng Thị O làm đại diện theo pháp luật - Tổng giám đốc - kiêm Chủ tịch hội đồng thành viên công ty. Bà Đặng Thị O đã nhận đủ tiền góp vốn của các thành viên và đại diện Công ty H ký nhận vào phiếu thu tiền góp vốn, Công ty H đã cấp giấy chứng nhận góp vốn cho các thành viên, ghi nhận tên của các thành viên vào sổ sách tại công ty. Đồng thời làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 88 tỷ đồng tại Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu công ty đã chia lãi theo tỷ lệ vốn góp cho các thành viên từ ngày 15/5/2008 đến ngày 27/9/2008 và các thành viên cùng tham gia hoạt động điều hành công ty, nhưng sau đó bà Đặng Thị O không cho các cổ đông tham gia vào hoạt động của công ty cũng như không tổ chức họp Hội đồng thành viên thường kỳ hàng năm theo điều lệ để giải quyết các công việc của công ty, đã xảy ra nhiều sai phạm: nợ thuế, nợ ngân hàng, nợ bảo hiểm xã hội, giả mạo hồ sơ chuyển nhượng vốn góp. Do đó, các thành viên góp vốn là nguyên đơn - bà Tuyết V và các thành viên là Mỹ D, Kiều O1 và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Việt H gồm: (*bà Lê Thị Kh, Nguyễn Hùng Khánh VI, Nguyễn Hùng Khánh Tr, Nguyễn Việt Ch, Nguyễn Hùng L*) (*gọi tắt là các thành viên*) đã nhiều lần gửi đơn đến Công ty H cho bà Đặng Thị O giám đốc yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường thành viên công ty nhưng bà Đặng Thị O - người đại diện theo pháp luật Công ty từ chối và không thực hiện.

Do đó bà Tuyết V đã nộp đơn khởi kiện công ty H yêu cầu:

- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của công ty;

- + Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án đã nhiều lần nguyên đơn và các thành viên yêu cầu bà Đặng Thị O chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm tổng giám đốc công ty H phải tổ chức cuộc họp Hội đồng thành viên để giải quyết các

công việc của Công ty H nhưng bà O không đồng ý.

Ngày 11/11/2017, bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 và các ông, bà thừa kế quyền hợp pháp của ông Nguyễn Việt H (*gọi tắt là nhóm thành viên*) đã lập Thông báo về việc triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên công ty, ấn định 15 ngày sẽ tổ chức cuộc họp và đã gửi thư chuyên phát nhanh đến Công ty và tất cả các thành viên trong Công ty.

Ngày 26/11/2017, nhóm thành viên đến họp nhưng phía bà Đặng Thị O và con gái bà O là Đoàn Thị H - Thành viên Công ty H không có mặt trong buổi họp, do đó cuộc họp không tiến hành được. Sự việc này được chứng kiến và ghi nhận của văn phòng thừa phát lại huyện B3 trong Vi bằng số 6903 ngày 27/11/2017. Các thành viên đã lập Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/2017/BB ngày 26/11/2017 ghi nhận việc không tiến hành được cuộc họp.

Đến ngày 29/11/2017, nhóm thành viên lập Thông báo lần 2 về việc triệu tập cuộc họp bất thường và ấn định 15 ngày sẽ tổ chức cuộc họp và Thông báo này được gửi chuyển phát nhanh đến công ty và các thành viên công ty.

Ngày 14/12/2017, nhóm thành viên đã có mặt nhưng bà O - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty H và Đoàn Thị H - Thành viên Công ty H đã không có mặt trong buổi họp. Cuộc họp vẫn diễn ra gồm các ông, bà có tên nêu trên dưới sự chứng kiến và ghi nhận của văn phòng thừa phát lại huyện B3 trong Vi bằng số 7333 ngày 14/12/2017 và các ông bà nêu trên đã lập Biên bản họp Hội đồng thành viên số 02/2017/BB ngày 14/12/2017.

Ngày 09/5/2018, bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D yêu cầu về việc triệu tập Hội đồng thành viên bất thường Công ty H nhưng Công ty H và bà Đặng Thị O đã không đồng ý tổ chức cuộc họp bất thường nêu trên.

Do đó, nhóm thành viên tiếp tục tiến hành thủ tục yêu cầu bà Đặng Thị O - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty H phải triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty H.

Ngày 18/6/2018, nhóm thành viên lập đơn yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty H và yêu cầu Thừa phát lại tổng đạt văn bản này đến Công ty H, sự việc này được ghi nhận trong Vi bằng số 5756 ngày 18/06/2018. Trong đơn yêu cầu triệu tập cuộc họp ấn định ngày 03/7/2018 sẽ tổ chức cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên công ty.

Ngày 03/7/2018, các thành viên có mặt đầy đủ tại Công ty H nhưng bà Đặng Thị O và bà Đoàn Thị H vắng mặt trong buổi họp. Do đó, không tổ chức được cuộc họp bất thường Công ty H (đã được thừa phát lại ghi nhận đầy đủ trong Vi bằng số 6110 ngày 03/7/2018) và các thành viên đã lập Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 03/7/2018. Trong cùng ngày các thành viên lập Đơn yêu cầu lần 2 về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty H và có yêu cầu thừa phát lại tổng đạt văn bản (được ghi nhận trong Vi bằng số 6111 ngày 03/07/2018). Trong đơn có ấn định ngày 18/7/2018 sẽ tiến hành cuộc họp.

Ngày 18/7/2018, các thành viên có mặt tại Công ty H để tiến hành họp lần 2 theo đơn yêu cầu nhưng bà Đặng Thị O và bà Đoàn Thị H vắng mặt và không cho các thành viên vào công ty tổ chức cuộc họp. Do đó, các thành viên đã tổ chức cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty H bên ngoài trụ sở công ty, sự việc này được thừa phát lại ghi nhận đầy đủ trong Vi bằng số 6413 ngày 18/7/2018 và các bà, ông nêu trên đã lập Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018, đồng thời ban hành Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 với nội dung đề cử bà Tôn Nữ Tuyết V làm Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Giao cho bà Tôn Nữ Tuyết V liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển giao con dấu, hồ sơ, sổ sách từ bà Đặng Thị O theo đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày 30/7/2018 nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

- Công nhận Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 13/7/2018 và Quyết định Hội đồng thành viên ngày 13/7/2018 có giá trị pháp lý;
- Buộc Công ty H phải thực hiện Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định có 3 yêu cầu:

- 1- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty H;

2- Công nhận biên bản họp Hội đồng thành viên về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 và Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý;

3- Buộc bị đơn Công ty H thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H có ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Đầu năm 2008, bà Đặng Thị O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng tọa lạc tại ấp T - xã T1 - huyện C, là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty H do ông Nguyễn Việt H và bà Lê Thị Kh là thành viên góp vốn, giá trị chuyển nhượng là 35 tỷ đồng. Sau khi thanh toán 15,2 tỷ đồng thì bà O mới biết quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của Công ty H là đất thuê không được chuyển nhượng cho cá nhân, nên bà O thỏa thuận chuyển nhượng mua lại vốn góp của ông H, bà Kh tại công ty H. Thời điểm này bà O có vay tiền của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Võ Thị Mỹ D và bà O cũng mong muốn mọi người cùng góp vốn vào công ty H, nên mọi người thỏa thuận cùng góp vốn trong công ty H, vốn điều lệ đăng ký thay đổi từ 15 tỷ lên 88 tỷ đồng, nhưng khi hoạch toán sổ sách chứng từ căn cứ trên vốn chủ sở hữu là 35 tỷ đồng bằng với giá trị chuyển nhượng tài sản. Trên thực tế, chỉ có ông Nguyễn Việt H là còn giữ 10% tỷ lệ góp vốn tương đương 3,5 tỷ đồng, bà Võ Thị Mỹ D chuyển tiền vay và tiền lãi do bà O vay sang tiền góp vốn, những người còn lại không có góp vốn bao gồm bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và ông Phan Thanh H. Sau khi chuyển nhượng đứng tên đại diện pháp luật công ty H, bà Đặng Thị O đã đại diện công ty H thế chấp tài sản là nhà xưởng công ty H để công ty vay số tiền 20 tỷ đồng từ ngân hàng Argibank và chuyển thanh toán tiền chuyển nhượng vốn góp cho vợ chồng ông H và bà Kh cho đủ 35 tỷ đồng.

Việc Công ty H phát hành giấy chứng nhận góp vốn cho các thành viên công ty chỉ trên hình thức nhằm hợp thức hóa hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ báo cáo tài chính kế toán. Trên thực tế thì tất cả các thành viên công ty chưa góp vốn vào công ty, mà chỉ bà Đặng Thị O nộp tiền vào tài khoản công ty, ông Nguyễn Việt H thì được giữ lại tỷ lệ 10% do sở hữu công ty cũ chuyển sang và bà Võ Thị Mỹ D chuyển nợ vay cá nhân sang thành tiền góp vốn chiếm tỷ lệ 15% trên số vốn đăng ký hoạt động 35 tỷ đồng.

- Do nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V chỉ có tên là thành viên góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty H, nhưng trên thực tế bà V không có góp vốn vào công ty, bản chất vụ việc là bà V đã yêu cầu bà Đặng Thị O phải thế chấp cổ phần của bà O và đóng tiền góp vốn thay cho bà V, nhằm đảm bảo số tiền mà cá nhân bà V đã cho bà O vay.

- Việc bà Trần Thị Kiều O1 có tên thành viên Công ty H là do bà Trần

Thị Kiều O1 và bà Đặng Thị O có mối quan hệ vay tiền với nhau. Đến tháng 02/2008, do bà Đặng Thị O chưa thanh toán tiền gốc và lãi nên bà Kiều O1 đã yêu cầu bà Đặng Thị O ghi nhận số tiền góp vốn của bà Trần Thị Kiều O1 tại Công ty H với tỷ lệ 15%/35 tỷ đồng, tương đương số tiền 5.250.000.000 đồng để đảm bảo số tiền nợ vay. Hai bên thỏa thuận khi bà Đặng Thị O thanh toán xong số tiền nợ vay thì bà Trần Thị Kiều O1 sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang tên phần vốn góp của bà Kiều O1 cho bà Đặng Thị O. Như vậy, bà Trần Thị Kiều O1 có tên là thành viên góp vốn trong Công ty H nhưng thực tế không có góp vốn trong công ty. Mặc dù Công ty H có phát hành phiếu thu và giấy chứng nhận góp vốn cho bà Trần Thị Kiều O1, nhưng thực tế trong quỹ tiền mặt của công ty vào thời điểm đó không có khoản tiền góp vốn 5,25 tỷ của bà Kiều O1.

- Nguyên trước đây khi chuyển nhượng toàn bộ tài sản Công ty H cho bà Đặng Thị O, ông Nguyễn Việt H có cam kết phải thực hiện thanh toán toàn bộ các khoản nợ thuế, công nợ khách hàng và các nghĩa vụ tài chính khác ... của Công ty H trước khi bàn giao công ty. Phần vốn góp 10% tương đương 3,5 tỷ đồng của ông H tại công ty là để ông H phụ trách hoạt động kinh doanh nhằm thanh toán các khoản công nợ của công ty đến thời điểm bàn giao. Tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/4/2009, các bên xác định: *“thời điểm chuyển giao công ty ngày 17/02/2009 trở về trước, ông H chịu mọi trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của công ty, tất cả các khoản công nợ phải trả trước thời điểm bàn giao ông H có nghĩa vụ phải trả, tất cả các khoản thu trước thời điểm bàn giao 17/02/2009 ông H sẽ được hưởng. Nếu số tiền phải trả lớn hơn số tiền phải thu, thì ông H phải nộp số chênh lệch cho công ty. Nếu số phải thu lớn hơn số phải trả thì công ty phải trả cho ông H số tiền chênh lệch.... Nếu số tiền phải trả cho khách hàng lớn hơn số ông H còn được hưởng, ông H có trách nhiệm trả lại cho công ty số chênh lệch, nếu không trả được sẽ trừ vào số vốn góp của ông H tại công ty”*. Cũng tại Biên bản này, các bên đã xác nhận ***“Số công nợ khách hàng đã được báo cáo xác nhận từ cuối tháng 12/2008 là 3.168.713.226 đồng”***.

Ngoài số tiền công nợ khách hàng tính đến cuối tháng 12/2008 được xác định nêu trên, Công ty H còn nợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 3.216.955.201 đồng, số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 3.189.443.793 đồng và tiền thuê đất là 277.094.777 đồng. Tổng số tiền còn nợ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước là: 6.683.533.771 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Việt H có nghĩa vụ phải thanh toán là: 9.852.246.997 đồng. Đây là nghĩa vụ mà ông H đã cam kết thanh toán, nếu không thanh toán sẽ được trừ vào số vốn góp của ông H trong Công ty H theo nội dung Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/4/2009 của Công ty H. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét trừ số tiền ông H có trách nhiệm phải trả vào vốn góp của ông H tại Công ty H, số tiền chênh lệch còn lại bị đơn sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác để yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Việt H tiếp tục thanh toán cho Công ty H.

Do đó ngày 15/8/2018, bị đơn Công ty H đã nộp đơn yêu cầu phản tố yêu

cầu Tòa án xác định bà Tôn Nữ Tuyết V không có góp vốn vào Công ty H và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V trong Công ty H.

Đồng thời ngày 15/8/2018 bị đơn Công ty H có yêu cầu độc lập, yêu cầu tòa án: Xác định bà Trần Thị Kiều O1 không có góp vốn vào Công ty H và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Trần Thị Kiều O1 trong Công ty H; Đồng thời yêu cầu tòa án xác định ông Nguyễn Việt H không còn vốn góp trong Công ty H và khai trừ tư cách thành viên góp vốn của ông Nguyễn Việt H trong Công ty H.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị O trình bày: bà O là tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Tại tòa bà O thừa nhận đã đại diện Công ty H để ký và cấp giấy chứng nhận vốn góp cho các thành viên như lời trình bày của nguyên đơn, nhưng thực tế chưa có thành viên nào góp vốn. Tại tòa bà O xác nhận lời trình bày của bà O giống như lời trình bày của ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty H. Tại Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/08/BB ngày 15/02/2008, tất cả các thành viên đều thống nhất nội dung: “*Vốn góp có định ban đầu để kinh doanh là 35 tỷ đồng, cơ cấu góp vốn như sau: ông Nguyễn Việt H là thành viên cũ góp 3,5 tỷ đồng tương đương 10%, bà Đặng Thị O góp 10,5 tỷ đồng tương đương 30%, bà Tôn Nữ Tuyết V góp 7 tỷ đồng tương đương 20%, bà Trần Thị Kiều O1 góp 5,25 tỷ đồng tương đương 15% và bà Võ Thị Mỹ D góp 5,25 tỷ đồng tương đương 15% và ông Phan Thanh H góp 3,5 tỷ đồng tương đương 10%*”. Trong các thành viên góp vốn, thì chỉ có Đặng Thị O là người góp vốn thật sự do nhận chuyển nhượng tài sản của Công ty H và ông Nguyễn Việt H là thành viên cũ giữ lại 10% tỷ lệ góp vốn nhằm để chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cũ của Công ty H trong thời gian trước khi bà O nhận chuyển nhượng, 04 thành viên còn lại chỉ đăng ký tên thành viên góp vốn nhưng thật sự không góp vốn. Hiện nay, Công ty H đã ngưng hoạt động từ năm 2010 nên không có sổ sách chứng từ về hoạt động kinh doanh của công ty để cung cấp theo yêu cầu khởi kiện của bà V và bà D. Đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu của bị đơn Công ty H và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H có ông Nguyễn Văn Đạt đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H là con gái của bà Đặng Thị O và là thành viên góp vốn với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ của Công ty H. Lời trình bày của bà H giống lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của công ty H đã trình bày, đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D có ông Trần Quang Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2008, bà Võ Thị Mỹ D cùng bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Đặng Thị O đồng ý cùng chuyển nhượng khu nhà xưởng của Công ty H với giá 35 tỷ đồng bằng hình thức chuyển nhượng phần vốn góp Công ty H. Các thành viên có cam kết và thống nhất góp vốn theo từng giai

đoạn theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/08/BB ngày 15/02/2008. Theo như tiến độ đã cam kết thì bà Võ Thị Mỹ D đã nộp tiền mặt với số tiền 5,25 tỷ đồng vào Công ty H theo Phiếu thu 05 ngày 01/4/2008 và Công ty H đã cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCN- GV ngày 21/4/2008 cho bà D. Đến đầu năm 2009, bà Đặng Thị O cố ý tước đoạt quyền thành viên góp vốn Công ty H, giả mạo chữ ký của các thành viên công ty chuyển nhượng sang cho mình, đồng thời làm thất thoát toàn bộ tài sản của Công ty H, nên ngày 09/5/2018, bà Võ Thị Mỹ D có làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu: Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty H;

+ Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

+ Buộc triệu tập Hội đồng thành viên bất thường Công ty H về việc:

a) Giải trình các khoản nợ mà Công ty H đang nợ; tình hình Công ty H cho thuê bao nhiêu công ty thuê đất để làm trụ sở; tình hình hoạt động của công ty từ năm 2009 cho đến nay;

b) Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty H.

c) Giao trả con dấu Công ty H cho người đại diện theo pháp luật mới nắm giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kiều O1 có ông Trần Quang Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị Kiều O1 đã là thành viên góp vốn và nộp tiền mặt với số tiền 5,25 tỷ đồng vào Công ty H theo Phiếu thu 04 ngày 01/4/2008, Công ty H cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 03/GCN-GV ngày 21/4/2008. Bà Trần Thị Kiều O1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà D. Việc bị đơn và bà Đặng Thị O cho rằng là bà chưa góp vốn là không đúng vì sau khi bà nộp đủ tiền góp vốn thì bà O giám đốc đã thay mặt công ty viết phiếu thu tiền số 03 ngày 01/4/2018 và cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 03/GCN-GV ngày 21/ 4/ 2008 cho bà, sau đó bà còn được nhận tiền chia lợi nhuận theo số tiền góp vốn. Đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các thành viên góp vốn trong Công ty H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kh, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Hùng Khánh Tr, bà Nguyễn Hùng Khánh V, ông Nguyễn Hùng Lcó ông Trần Quang Th là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty H được thành lập vào năm 2001 do ông Nguyễn Việt H và bà Lê Thị Kh làm chủ sở hữu với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, đến năm 2008, vợ chồng ông H đồng ý chuyển nhượng toàn bộ khu đất nhà xưởng công ty cho các bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Đặng Thị O bằng hình thức chuyển nhượng phần vốn công ty H với số tiền 35 tỷ đồng. Do các bí quyết và công nghệ sản xuất của Công ty H nên các thành viên mới đề nghị ông

Nguyễn Việt H phải giữ lại 10% giá trị vốn góp Công ty H. Theo như Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/08/BB ngày 15/02/2008 và Biên bản họp Hội đồng thành viên số 03/08/BBHHĐQT ngày 11/5/2008 thì Công ty H đã cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 07/GCN-GV ngày 11/07/2008 chứng nhận ông H là thành viên góp vốn có số vốn góp là 3,5 tỷ đồng tương đương 10% tỷ lệ vốn góp của công ty H. Năm 2017, ông Nguyễn Việt H chết không để lại di chúc. Bà Lê Thị Kh vợ ông H đã làm thủ tục kê khai di sản thừa kế có xác nhận của văn phòng công chứng B5 ngày 31/5/2017 và đã xác định Người kế thừa quyền, nghĩa vụ hợp pháp theo pháp luật của ông Nguyễn Việt H tại Công ty H gồm vợ, con của ông H: Lê Thị Kh, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Hùng Khánh Tr, Nguyễn Hùng Khánh V1, Nguyễn Hùng L đại diện cho phần vốn góp của ông H tại Công ty H.

Việc bị đơn có yêu cầu tòa xác định ông H không còn số vốn góp 10% tỷ lệ vốn góp trong công ty và yêu cầu khai trừ tư cách thành viên góp vốn của ông H là không có cơ sở và đã hết thời hiệu khởi kiện do từ thời điểm bàn giao Công ty H từ ông H cho các thành viên nhận chuyển nhượng đến nay không có bao giờ Công ty H yêu cầu ông H phải thanh toán nợ. Do đó đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Công ty H. Quan điểm của các ông, bà Lê Thị Kh, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Hùng Khánh Tr, Nguyễn Hùng Khánh V1, Nguyễn Hùng L là cùng quan điểm với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết V và yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Mỹ D.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 353/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Mỹ D về việc: Buộc Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H phải cho các thành viên là bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H.

2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết V về việc yêu cầu: Công nhận Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 13/7/2018 của các thành viên Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H và Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 13/7/2018 của Công ty TNHH sản xuất hàng mỹ nghệ H có giá trị pháp lý.

3- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết V về việc Buộc Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H phải thực hiện Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

4- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H về việc yêu cầu Tòa án xác định bà Tôn Nữ Tuyết V không có góp vốn và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V trong Công ty

TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H.

5- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H về việc yêu cầu Tòa án xác định bà Trần Thị Kiều O1 không có góp vốn và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Trần Thị Kiều O1 trong Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H.

6- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H về yêu cầu Tòa án xác định thành viên góp vốn ông Nguyễn Việt H không còn vốn góp trong công ty và khai trừ tư cách thành viên góp vốn của ông Nguyễn Việt H trong Công ty TNHH Sản xuất hàng mỹ nghệ H.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/4/2019 bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/4/2019 bà Đặng Thị O - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H và bà Đặng Thị O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tự bào chữa cho mình đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H trình bày: Trước hết Công ty khẳng định bà Tuyết V, bà Kiều O1, bà Mỹ D, bà Kh, ông H không ai có góp vốn vào Công ty H. Công ty H là bà Đặng Thị O mua của ông Nguyễn Việt H và bà Lê Thị Kh, giá trị chuyển nhượng là 35 tỷ đồng, sau khi thanh toán được 15,2 tỷ đồng bà O mới biết quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty H là đất thuê không được chuyển nhượng, lỡ đã đưa cho ông H 15,2 tỷ đồng, ông H không trả lại nên bà O mới thế chấp nhà xưởng Công ty H vay ngân hàng Aribank 20 tỷ trả cho ông H, bà Kh đủ 35 tỷ. Bản thân bà O trước đó có thiếu tiền của bà Tuyết V, bà Kiều O1, bà Mỹ D nên mong muốn mọi người cùng tham gia Công ty H, và làm giả các giấy chứng nhận góp vốn, thực tế không ai bỏ tiền góp vốn vào Công ty cả. Nếu căn cứ vào phiếu thu để xác định các thành viên góp vốn thì chính bà Kh là người chiếm đoạt số tiền này, mọi người khai bà Kh ghi phiếu thu nhưng nộp tiền trực tiếp cho bà O là không có căn cứ, các bà V, O1, D cũng không cung cấp được chứng cứ bà O nhận tiền từ các người này. Cơ quan Công an điều tra Thành phố cũng có kết luận không có việc bà Kh nhận tiền từ đó cho thấy phiếu thu tiền là không có thật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty, sửa lại toàn bộ án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty, tuyên bố bà V, bà Kiều O1, bà D, ông H không phải là thành viên Công ty H.

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng: Căn cứ trên phiếu thu tiền, giấy chứng nhận vốn góp đây là những căn cứ pháp lý để xác định vốn góp của từng thành viên ở Công ty. Sở kế hoạch đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là thừa nhận thành viên Công ty, nếu không góp tiền tại sao Công ty làm phiếu thu và cấp giấy chứng

nhận vốn góp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H và kháng cáo của bà Đặng Thị O, giữ y án sơ thẩm.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của các bên, kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy không có việc các bên góp vốn thành lập công ty, phiếu thu, chứng nhận góp vốn là làm không có thật. Nếu có sự vay mượn giữa bà O với các thành viên đây là quan hệ dân sự. Tòa án sơ thẩm căn cứ các phiếu thu, giấy chứng nhận góp vốn không để chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty và kháng cáo của bà Đặng Thị O, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người liên quan, không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H là không có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Đầu năm 2008 (ngày 16/01/2008) bà Đặng Thị O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện C là tài sản của Công ty H do ông Nguyễn Việt H và bà Lê Thị Kh là thành viên góp vốn của Công ty, giá chuyển nhượng 35 tỷ, bà Đặng Thị O đã thanh toán xong (*thanh toán tiền mặt 15,2 tỷ, chuyển khoản 20 tỷ*) hiện tại bà O, bà Lê Thị Kh và ông Nguyễn Việt H không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng. Tại thời điểm này chỉ duy nhất bà O là người sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H (*sau đây gọi là Công ty H*).

[2] Theo biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/08/BB ngày 15/2/2008 tất cả các thành viên thống nhất nội dung: “*Vốn góp có định ban đầu để kinh doanh là 35 tỷ đồng, cơ cấu vốn như sau: ông Nguyễn Việt H thành viên cũ góp 3,5 tỷ đồng tương đương 10%; bà Đặng Thị O góp 10,5 tỷ đồng tương đương 30%; bà Tôn Nữ Tuyết V góp 7 tỷ đồng tương đương 20%; bà Trần Thị Kiều O1 góp 5,25 tỷ đồng tương đương 15%; bà Võ Thị Mỹ D góp 5,25 tỷ đồng tương đương 15%; ông Phan Thanh H góp 3,5 tỷ đồng tương đương 10%*”. Thực tế cho thấy biên bản họp Hội đồng thành viên xác nhận số tiền góp vốn của các thành viên là không có thật, các phiếu thu, giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên là làm không thể hiện ở các chứng cứ sau.

[2.1] Tài khoản số 200014851095855 của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H mở tại Ngân hàng Eximbank không có khoản tiền 24.500.000.000 đồng do các thành viên góp vốn chuyển vào, sổ sách quỹ tiền mặt của Công ty cũng không thể hiện số tiền trên (*về các phiếu thu ngày 01/4/2008 thể hiện có thu số tiền 24.500.000.000 đồng*).

[2.2] Bà Lê Thị Kh (vợ ông Nguyễn Việt H và là chị em dâu với bà Tôn Nữ Tuyết V) ký vào phiếu thu với tư cách là thủ quỹ, người lập phiếu ký tên là Hồng Th. Mọi người đều thừa nhận Công ty (*phòng kế toán*) không có ai tên Hồng Th. Bản thân bà Kh xác nhận là thủ quỹ bà làm phiếu thu chứ không nhận tiền, mọi người góp vốn nộp tiền trực tiếp cho bà Đặng Thị O – Tổng giám đốc. Bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D cùng khai nộp tiền góp vốn trực tiếp đưa cho bà O.

Lời khai của bà Kh, bà V, bà D không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và trái với nguyên tắc hoạt động của một Công ty trách nhiệm hữu hạn, không có việc vốn góp vào Công ty đi đưa cho cá nhân Tổng giám đốc, bản thân bà O không thừa nhận có nhận tiền của những người trên. Về nguyên tắc thủ quỹ làm phiếu thu thể hiện có nhận tiền, số tiền đó không thể hiện chuyển vào tài khoản của Công ty hay chuyển cho ai thì thủ quỹ phải chịu trách nhiệm đối với số tiền trên.

Tuy nhiên tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 600 – 01 ngày 02/10/2019 của Thủ trưởng cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Tại cơ quan điều tra, bà Lê Thị Kh thừa nhận chữ viết, chữ viết của bà Kh trên các phiếu thu trên nhưng không có việc nhận tiền nộp vào Công ty H của các người ghi trên phiếu thu. Kết quả xác minh về hoạt động của Công ty H vào thời điểm tháng 1/5/2008 thể hiện vẫn thuộc quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ông Nguyễn Việt H. Do đó, có căn cứ xác định không có việc bà Kh đã thu tiền góp vốn để chiếm đoạt, vụ việc không có dấu hiệu phạm tội”*. Kết luận này cho thấy không có sự góp tiền của các thành viên Công ty.

[2.3] Bản thân ông Phan Thanh H – Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính Công ty H, người mà trong biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 15/2/2008 ghi góp 3,5 tỷ chiếm 10%. Xác nhận thực tế bản thân ông không có góp và các thành viên khác không ai góp vốn Công ty H là của cá nhân bà Đặng Thị O. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H tiếp tục khẳng định mọi người – kể cả ông không ai góp vốn vào Công ty H.

[3] Về nguyên tắc giấy chứng nhận góp vốn là căn cứ pháp lý để xác định vốn góp của từng thành viên trong Công ty. Tuy nhiên thực tế ở Công ty H cho thấy việc chứng nhận góp vốn là tùy tiện tự nâng khống vốn góp của các thành

viên để khuyếch trương vốn điều lệ Công ty mà thực tế không có thật thể hiện ở chỗ:

- Ngày 16/01/2008 ông Nguyễn Việt H đã chuyển nhượng Công ty H cho bà Đặng Thị O, nhưng để đăng ký với sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh vốn điều lệ Công ty là 88.000.000.000 đồng, nội trong ngày 16/2/2008 ông Nguyễn Việt H cấp giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên như sau:

- 1/ Ông Phan Thanh H phần vốn góp: 8.800.000.000đ chiếm 10%.
- 2/ Bà Tô Nữ Tuyết V phần vốn góp: 17.600.000.000đ chiếm 20%.
- 3/ Ông Nguyễn Việt H phần vốn góp 8.800.000.000đ chiếm 10%.
- 4/ Bà Võ Thị Mỹ D phần vốn góp 13.200.000đ chiếm 15%.
- 5/ Bà Trần Thị Kiều O1 phần vốn góp 13.200.000.000đ chiếm 15%.
- 6/ Bà Đặng Thị O phần vốn góp 26.400.000.000đ chiếm 30%.

- Sau ngày ông H cấp giấy chứng nhận góp vốn 2 tháng, vào ngày 21/4/2008 bà Đặng Thị O lại cấp giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên Công ty như sau:

- 1/ Ông Nguyễn Việt H góp 3.500.000.000đ
- 2/ Bà Trần Thị Kiều O1 góp 5.250.000.000đ
- 3/ Bà Tô Nữ Tuyết V góp 7.000.000.000đ
- 4/ Bà Võ Thị Mỹ D góp 5.250.000.000đ.

Vấn đề đặt ra ở đây là ông H đã sang nhượng Công ty cho bà Đặng Thị O từ ngày 16/01/2008, từ cách gì ngày 16/02/2008 ông H cấp giấy chứng nhận vốn góp cho các thành viên. Mặt khác tại sao giấy chứng nhận góp vốn lần sau ít hơn lần trước mà các thành viên không có ý kiến gì? Từ đó cho thấy việc chứng nhận góp vốn ở Công ty H làm một cách tùy tiện, nâng khống vốn điều lệ để xin cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thực tế không có việc góp vốn của các thành viên nào.

[4] Với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai các bên đương sự, kết luận của Thủ trưởng cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở kết luận rằng bà Tô Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D, ông Nguyễn Việt H không có góp vốn vào Công ty H, phiếu thu vốn góp của Công ty H đối với bà Tô Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D, ông Nguyễn Việt H là không có thật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H và kháng cáo của bà

Đặng Thị O, sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Tuyết V, chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

[5] Về khoản tiền nợ giữa bà Võ Thị Mỹ D, bà Tuyết V, bà Kiều O1 với bà Đặng Thị O (nếu có) là quan hệ dân sự, đây là khoản nợ giữa các cá nhân, việc chuyển nợ cá nhân bằng xác định vốn góp vào Công ty là không đúng. Trường hợp ông Nguyễn Việt H sang nhượng Công ty H cho bà Đặng Thị O 35 tỷ, ông H, bà Kh đã nhận đủ tiền, việc nhờ ông H tiếp tục điều hành quản lý Công ty và trả công ông H bằng cách xác nhận ông H góp vốn 3,5 tỷ tương đương 10% vốn điều lệ và cấp giấy chứng nhận góp vốn như đã phân tích ở phần trên là việc làm tùy tiện, trái quy định của Luật doanh nghiệp. Công ty H phải làm lại thủ tục và tiến hành đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H và kháng cáo của người liên quan bà Đặng Thị O. Sửa toàn bộ án sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Đặng Thị O, Công ty H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà O và Công ty H tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị O. Sửa toàn bộ án sơ thẩm số 353/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H, cụ thể: *(được kiểm tra, sao chép trích lục sổ đăng ký thành viên, báo cáo tài chính hàng năm, công nhận biên bản và quyết định của Hội đồng thành viên ngày 13/7/2018, thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018).*

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H xác định: Bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, ông Nguyễn Việt H, bà Võ Thị Mỹ D không có góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H nên không phải là thành viên Công ty.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H hoàn chỉnh lại các thủ tục và tiến hành đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đúng với vốn điều lệ thực tế và đúng thành viên của Công ty.

4. Về án phí:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất hàng mỹ nghệ H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp (*theo biên lai thu số AA/2017/0045851 ngày 14/12/2018 và biên lai thu số AA/2017/0045852 ngày 14/12/2018, biên lai thu số AA/2018/0013086 ngày 24/4/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.*)

- Bà Tôn Nữ Tuyết V phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí (*theo biên lai thu số AA2017/0048315 ngày 14/12/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*) thành án phí sơ thẩm - bà V đã nộp xong.

- Bà Võ Thị Mỹ D phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí (*theo biên lai thu số AA2017/0044594 ngày 22/5/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*) thành án phí sơ thẩm - bà D đã nộp xong.

- Bà Đặng Thị O không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp (*theo biên lai thu số AA/2018/0013110 ngày 26/4/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn